

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	<i>Trang</i>
1- Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất	1 - 5
2- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất	6
3- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất	7 - 8
4- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	9 - 26

---

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> ( 100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>321,090,864,276</b>	<b>263,983,739,464</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>149,570,935,346</b>	<b>101,151,672,245</b>
1. Tiền	111		38,607,018,679	50,068,291,145
2. Các khoản tương đương tiền	112		110,963,916,667	51,083,381,100
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>300,000,000</b>	<b>345,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		300,000,000	345,000,000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56,609,662,845</b>	<b>62,886,461,258</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		46,032,696,799	47,119,280,848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,524,401,356	9,232,164,343
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2,763,030,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6,318,651,850	6,717,853,794
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(29,117,160)	(251,869,246)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	69,031,519
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>111,533,906,391</b>	<b>97,652,694,594</b>
1. Hàng tồn kho	141		112,132,018,104	97,895,964,563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(598,111,713)	(243,269,969)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,076,359,694</b>	<b>1,947,911,367</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,061,095,860	988,471,206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,629,231,163	854,152,257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		386,032,671	105,287,904
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119,797,197,008</b>	<b>124,681,505,006</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,308,216,016</b>	<b>6,800,426,402</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1,093,021,000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1,215,195,016	6,800,426,402
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17,589,141,045</b>	<b>34,267,302,860</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		17,583,918,553	20,961,294,504
- Nguyên giá	222		43,441,391,966	47,453,544,922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,857,473,413)	(26,492,250,418)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		5,222,492	13,306,008,356
- Nguyên giá	228		392,132,487	13,682,473,347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(386,909,995)	(376,464,991)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>84,112,818,780</b>	<b>67,736,283,633</b>
- Nguyên giá	231		98,106,027,611	75,781,699,978
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13,993,208,831)	(8,045,416,345)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8,080,800,000</b>	<b>8,080,800,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,080,800,000	8,080,800,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. Tài sản dài hạn khác	260	7,706,221,167	7,796,692,111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7,706,221,167	7,796,692,111
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>440,888,061,284</b>	<b>388,665,244,470</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>67,888,632,725</b>	<b>53,094,314,980</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66,553,315,288</b>	<b>52,010,543,980</b>
1. Phải trả cho người bán	311		35,276,431,051	25,926,786,668
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,977,126,582	2,942,145,728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7,145,042,497	9,500,748,159
4. Phải trả người lao động	314		10,967,188,943	4,436,658,804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		804,353,204	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	699,293,216
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4,718,780,288	4,840,518,682
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,664,392,723	3,664,392,723
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,335,317,437</b>	<b>1,083,771,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		76,708,679	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		1,083,771,000	1,083,771,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		174,837,758	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>372,999,428,559</b>	<b>335,570,929,490</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>372,999,428,559</b>	<b>335,570,929,490</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		165,492,090,000	138,013,850,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165,492,090,000	138,013,850,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,572,620,000	2,572,620,000
3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,206,190,840)	(2,206,190,840)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,682,346,542	17,682,346,542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141,078,037,016	131,967,201,204
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		126,949,570,601	131,967,201,204
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,128,466,415	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	422		48,380,525,841	47,541,102,584
<b>II Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>440,888,061,284</b>	<b>388,665,244,470</b>

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN



YUNG CAM MENG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 - DN/HN

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2015	Quý IV/2014	Lũy kế 2015	Lũy kế 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	407,034,654,535	339,377,800,528	1,331,109,296,590	1,142,729,686,868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	119,515,567	155,550,340	3,359,849,618	627,162,956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		406,915,138,968	339,222,250,188	1,327,749,446,972	1,142,102,523,912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	355,397,152,734	268,791,659,536	1,123,237,344,051	938,964,779,114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		51,517,986,234	70,430,590,652	204,512,102,921	203,137,744,798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2,265,155,368	1,270,488,774	7,075,270,582	4,190,017,208
7. Chi phí tài chính	22		-	5,700,628	39,323	5,841,460
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18,215,993,501	26,502,500,671	79,721,559,086	79,946,103,238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17,730,950,491	20,554,753,340	60,103,465,803	56,624,784,983
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		17,836,197,610	24,638,124,787	71,762,309,291	70,751,032,325
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3,441,313,437	4,991,727,656	7,529,342,834	11,711,382,996
13. Chi phí khác	32	VI.8	168,658,577	1,694,125,511	750,903,394	5,318,827,944
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,272,654,860	3,297,602,145	6,778,439,440	6,392,555,052
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21,108,852,470	27,935,726,932	78,540,748,731	77,143,587,377
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,731,004,650	6,270,846,537	16,460,226,904	16,755,053,476
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(505,614,027)	-	174,837,758	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16,883,461,847	21,664,880,395	61,905,684,069	60,388,533,901
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14,128,466,415	20,367,138,413	50,329,460,811	54,988,557,830
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,754,995,432	1,297,741,982	11,576,223,258	5,399,976,071
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	857	1,235	3,052	3,335
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu



**TRỊNH THỊ THANH NHÀN**

Kế Toán Trưởng



**ĐINH THỊ HỒNG VÂN**

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Trưởng Giám Đốc



**YUNG CAM MENG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/12/2015</u>	<u>Đến 31/12/2014</u>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78,540,748,731	77,143,587,377
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8,368,787,674	10,375,004,338
- các khoản dự phòng	03	132,089,658	(673,919,984)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,410,284,453)	(5,257,304,235)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn			
3. lưu động	08	79,631,341,610	81,587,367,496
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	22,078,342,827	525,615,655
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(17,877,565,995)	(33,615,414,015)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	4,360,725,710	(13,432,708,840)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	17,846,290	(84,849,898)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18,000,068,791)	(16,560,652,983)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1,442,673,000
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(5,050,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	70,210,621,651	14,812,030,415
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6,707,093,216)	(6,992,744,164)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2,652,481,818	25,467,277,253
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17,534,318,500)	-
4.			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17,432,000,000	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	6,735,265,298	3,900,110,536
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	2,578,335,400	22,374,643,625

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

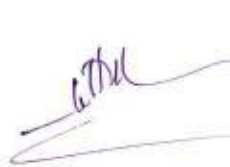
CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/12/2015</u>	<u>Đến 31/12/2014</u>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	8,800,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24,369,693,950)	(28,556,907,900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24,369,693,950)	(19,756,907,900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	48,419,263,101	17,429,766,140
Tiền tồn đầu kỳ	60	101,151,672,245	83,721,906,105
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	<u>149,570,935,346</u>	<u>101,151,672,245</u>

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





YUNG CAM MENG

TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý IV-Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý IV năm 2015 kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Siêu Thanh bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô, thiết bị điện tử, hàng kim khí điện máy.
- Tổng số các công ty con** : 03  
*Trong đó:*  
**Số lượng các công ty con được hợp nhất:** 03

### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Số 6 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	55,06%	55,06%
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Số 161F Dạ Nam, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	58,23%	58,23%
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	A20 đường Nguyễn Hữu Thọ, Tân Phong, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	90,00%	90,00%



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT/BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

#### **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh đối với ô tô nguyên chiếc, bình quân gia quyền đối với thiết bị văn phòng, phụ tùng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

#### 8. Tài sản thuê hoạt động *Tập đoàn là bên cho thuê*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

##### *Bản quyền*

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán*

Nguyên giá của phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Tài sản cố định vô hình khác*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Tài sản cố định khác là toàn bộ các chi phí liên quan đến tài liệu hướng dẫn đại lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm.

#### 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Chi phí sửa chữa, phần mềm*

Chi phí sửa chữa, phần mềm được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng*

Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng Công ty đang sử dụng được trả trước một lần và được phân bổ theo thời hạn thuê là 10 năm (đến ngày 31/12/2022).

#### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

#### 14. Trợ cấp thôi việc

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 15. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty cổ phần Siêu Thanh.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ và Nghị quyết đại hội cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn. Mục đích sử dụng các quỹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 21. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	291.749.975	285.512.143
Tiền gửi ngân hàng	38.315.268.704	49.782.779.002
Các khoản tương đương tiền (*)	110.963.916.667	51.083.381.100
<b>Cộng</b>	<u>149.570.935.346</u>	<u>101.151.672.245</u>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### • Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi kỳ hạn 01 năm tại Công ty Ô tô Cường Thanh	-	345.000.000
Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng tại Công ty CP	300.000.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TBVP Siêu Thanh		
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>345.000.000</b>

#### Đầu tư tài chính dài hạn :

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Điện Cơ	3.580.800.000	-	3.580.800.000	3.580.800.000	-	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>8.080.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.080.800.000</b>

#### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	272.072.241	14.056.084.602
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	12.482.472.528	8.658.592.410
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	10.423.623.025	13.846.989.965
Tại Công ty cổ phần TBVP Siêu Thanh	22.854.529.005	10.557.613.871
<b>Cộng</b>	<b>46.032.696.799</b>	<b>47.119.280.848</b>

#### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

Số dư thể hiện khoản cho cán bộ công nhân viên các công ty mượn trừ lương và không tính lãi.

#### 5. Phải thu khác

##### • Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ô tô GM Việt Nam – phải thu tiền chiết khấu hàng hóa	4.388.068.230	3.320.454.546
Công ty Honda Việt Nam - tiền hỗ trợ bán hàng	130.000.000	720.000.000
Tạm ứng	1.019.866.346	2.198.590.955
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	451.308.293	346.495.922
Các khoản phải thu khác	329.408.981	132.312.371
<b>Cộng</b>	<b>6.318.651.850</b>	<b>6.717.853.794</b>

##### • Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho nhân viên mượn tiền	-	6.800.426.402
Ký quỹ tiền thuê nhà	1.145.125.000	-
Các khoản phải thu khác	70.070.016	-
<b>Cộng</b>	<b>1.215.195.016</b>	<b>6.800.426.402</b>

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số cuối năm	Số đầu năm
-------------	------------



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	29.745.119
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	28.584.397	147.319.834
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	532.763	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	-	74.804.293
<b>Cộng</b>	<b><u>29.117.160</u></b>	<b><u>251.869.246</u></b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	81.295.740	59.686.228
Công cụ, dụng cụ	-	8.300.000
Hàng hóa	112.050.722.364	97.827.978.335
<b>Cộng</b>	<b><u>112.132.018.104</u></b>	<b><u>97.895.964.563</u></b>
<b>8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(598.111.713)	(243.269.969)
<b>Cộng</b>	<b><u>(598.111.713)</u></b>	<b><u>(243.269.969)</u></b>
<b>9. Chi phí trả trước</b>		
• <b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Công cụ, dụng cụ	557.513.853	440.379.272
Chi phí thuê nhà, văn phòng	345.909.092	548.091.934
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	157.672.915	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.061.095.860</u></b>	<b><u>988.471.206</u></b>
• <b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Công cụ, dụng cụ	4.353.680.286	4.426.967.020
Chi phí phần mềm quản lý	209.956.000	188.160.000
Tiền thuê đất, lắp đặt phòng chờ	2.905.758.384	3.181.565.091
Các khoản khác	236.826.497	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.706.221.167</u></b>	<b><u>7.796.692.111</u></b>
<b>10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	99.329.167	99.329.167
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	286.703.504	5.958.737
<b>Cộng</b>	<b><u>386.032.671</u></b>	<b><u>105.287.904</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.361.117.493	18.749.533.350	11.827.260.946	3.973.859.083	3.541.774.050	47.453.544.922
Mua sắm mới		219.445.455	6.127.325.124	-	489.014.455	6.835.785.034
Tăng từ hàng tồn kho chuyển qua làm tài sản cho thuê		4.669.590.626	-	-	-	4.669.590.626
Thanh lý, nhượng bán		-	(4.976.971.103)	(120.258.156)	-	(5.097.229.259)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán		(1.386.312.584)	-	-	-	(1.386.312.584)
Giảm do chuyển sang BĐS đầu tư	(9.033.986.773)					(9.033.986.773)
Số cuối năm	<u>327.130.720</u>	<u>22.252.256.847</u>	<u>12.977.614.967</u>	<u>3.853.600.927</u>	<u>4.030.788.505</u>	<u>43.441.391.966</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.826.166.693	11.996.352.045	3.417.474.462	3.813.126.869	3.439.130.349	26.492.250.418
Khấu hao trong kỳ	174.668.196	3.340.315.166	2.343.043.005	157.031.363	143.764.162	6.158.821.892
Thanh lý, nhượng bán		-	(2.570.535.471)	(116.557.305)	-	(2.687.092.776)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán		(358.234.412)	-	-	-	(358.234.412)
Giảm do chuyển sang BĐS đầu tư	(3.748.271.709)					(3.748.271.709)
Số cuối năm	<u>252.563.180</u>	<u>14.978.432.799</u>	<u>3.189.981.996</u>	<u>3.853.600.927</u>	<u>3.582.894.511</u>	<u>25.857.473.413</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>5.534.950.800</u>	<u>6.753.181.305</u>	<u>8.409.786.484</u>	<u>160.732.214</u>	<u>102.643.701</u>	<u>20.961.294.504</u>
Số cuối năm	<u>74.567.540</u>	<u>7.273.824.048</u>	<u>9.787.632.971</u>	<u>-</u>	<u>447.893.994</u>	<u>17.583.918.553</u>

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.290.340.860	160.436.500	73.185.987	158.510.000	13.682.473.347
Giảm do chuyển sang BDS đầu tư	(13.290.340.860)				(13.290.340.860)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>160.436.500</u>	<u>73.185.987</u>	<u>158.510.000</u>	<u>392.132.487</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	160.436.500	57.518.491	158.510.000	376.464.991
Khấu hao trong kỳ	-	-	10.445.004		10.445.004
Số cuối năm	-	160.436.500	67.963.495	158.510.000	386.909.995
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.290.340.860	-	15.667.496	-	13.306.008.356
Số cuối năm	-	-	5.222.492	-	5.222.492

**13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Tăng từ TSCĐ vô hình chuyển sang	13.290.340.860		13.290.340.860
Tăng từ TSCĐ hữu hình chuyển sang		9.033.986.773	9.033.986.773
Số cuối năm	62.751.340.860	35.354.686.751	98.106.027.611
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.225.708.000	4.819.708.345	8.045.416.345
Khấu hao trong kỳ	1.075.236.000	1.124.284.776	2.199.520.776
Tăng từ TSCĐ hữu hình chuyển sang		3.748.271.710	3.748.271.710
Số cuối năm	4.300.944.000	9.692.264.831	13.993.208.831
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	46.235.292.000	21.500.991.633	67.736.283.633
Số cuối năm	58.450.396.860	25.662.421.920	84.112.818.780

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH RiCoh Việt Nam	29.335.452.366	22.511.633.342
Công ty Honda Việt Nam	3.370.767.093	-
Các Công ty khác	2.570.211.592	3.415.153.326
Cộng	35.276.431.051	25.926.786.668

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước cho Công ty Cường Thanh	674.558.958	1.214.329.783
Người mua trả trước cho Công ty Kim Thanh	3.302.567.624	1.727.815.945
Cộng	3.977.126.582	2.942.145.728

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.841.962.069	18.251.530.356	(19.420.059.323)	1.673.433.102

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế TNDN	6.270.846.537	16.460.226.904	(18.000.068.791)	4.731.004.650
Thuế thu nhập cá nhân	387.939.553	4.925.343.032	(4.572.677.840)	740.604.745
Các loại thuế khác	-	37.281.875	(37.281.875)	-
<b>Cộng</b>	<b>9.500.748.159</b>	<b>39.674.382.167</b>	<b>(42.030.087.829)</b>	<b>7.145.042.497</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất	0%
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm 2015 bao gồm:

Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	1.013.363.556
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	-
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	467.897.369
Tại Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	3.249.743.725
<b>Cộng</b>	<b>4.731.004.650</b>

#### *Các loại thuế khác*

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

#### 17. Phải trả người lao động

Phải trả tiền lương tháng 12,13 năm 2015 cho cán bộ công nhân viên.

#### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	133.868.105	115.693.421
Nhận ký quỹ, ký cược	2.566.183.665	2.039.646.411
Cổ tức phải trả	52.316.825	24.025.775
Phải trả khác	1.966.411.693	2.661.153.075
<b>Cộng</b>	<b>4.718.780.288</b>	<b>4.840.518.682</b>

#### 19. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 26.

#### *Cổ phiếu*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.549.209	13.801.385
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.549.209	13.801.385
- Cổ phiếu phổ thông	16.549.209	13.801.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	61.000	61.000
- Cổ phiếu phổ thông	61.000	61.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.488.209	13.740.385
- Cổ phiếu phổ thông	16.488.209	13.740.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Số đầu năm	47.541.102.584
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	11.576.223.258
Nhận vốn góp	-
Chia cổ tức	(10.736.800.000)
Số cuối năm	<u>48.380.525.842</u>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 4/2015 là doanh thu của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại.

#### 3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong quý 4/2015 là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Quý IV/2014</u>
Lãi tiền gửi	2.258.485.034	1.305.014.352
Lãi bán hàng trả chậm	6.670.334	1.982.598
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	180.000.000
Lãi khác	-	136.497
Cộng	<u>2.265.155.368</u>	<u>1.270.488.774</u>

#### 5. Chi phí bán hàng

Quý IV/2015

Quý IV/2014

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Quý IV/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	20.110.746.176	20.722.544.369
Chi phí công cụ dụng cụ	462.290.528	519.728.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	443.408.454	529.450.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.229.542.636	876.571.330
Chi phí khác	(5.029.994.293)	3.854.206.458
<b>Cộng</b>	<b>18.215.993.501</b>	<b>26.502.500.671</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý IV/2015</b>	<b>Quý IV/2014</b>
Chi phí cho nhân viên	9.804.972.925	9.404.509.754
Chi phí công cụ dụng cụ	611.638.964	569.281.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.983.667	549.078.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.281.119.634	6.077.180.251
Chi phí khác	1.661.235.301	3.954.703.266
<b>Cộng</b>	<b>17.730.950.491</b>	<b>20.554.753.340</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Quý IV/2015</b>	<b>Quý IV/2014</b>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.801.818.183
Tiền thưởng, tiền hỗ trợ	3.366.118.182	918.239.749
Thu nhập khác	75.195.255	2.271.669.724
<b>Cộng</b>	<b>3.441.313.437</b>	<b>4.991.727.656</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Quý IV/2015</b>	<b>Quý IV/2014</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	1.481.738.009
Chi phí khác	168.658.577	212.387.502
<b>Cộng</b>	<b>168.658.577</b>	<b>1.694.125.511</b>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý IV/2015</b>	<b>Quý IV/2014</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	347.502.934.915	268.467.742.742
Chi phí nhân công	37.373.745.613	30.127.054.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.115.738.920	2.491.455.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.620.775.639	6.953.751.581
Chi phí khác	(4.269.098.361)	7.808.909.724
<b>Cộng</b>	<b>391.344.096.726</b>	<b>315.848.913.547</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý IV/2015</b>	<b>Quý IV/2014</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	14.128.466.415	20.367.138.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	14.128.466.415	20.367.138.413



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý IV/2015</u>	<u>Quý IV/2014</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	16.488.209	16.488.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	857	1.235

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Điều chỉnh lại số đầu năm trên bảng cân đối kế toán theo thông tư 200/2014/TT/BTC

STT	Tên khoản mục	Mã số	Số đầu năm trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số đầu năm sau khi điều chỉnh
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	345.000.000	345.000.000
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	4.172.766.917	2.545.086.877	6.717.853.794
3	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	69.031.519	69.031.519
4	Tài sản ngắn hạn khác	155	2.614.118.396	(2.614.118.396)	-
5	Phải thu dài hạn khác	216	5.597.701.402	1.202.725.000	6.800.426.402
6	Tài sản dài hạn khác	268	1.202.725.000	(1.202.725.000)	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542

### 2. Giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2015 và quý 4/2014 trên báo cáo tài chính hợp nhất.

So với cùng kỳ lợi nhuận hợp nhất sau thuế giảm 4,78 tỷ đồng tương đương tỉ lệ giảm 22,06% là do biến động các chỉ tiêu sau :

Đơn vị tính : tỷ đồng

STT	Tên khoản mục	Quý 4-2015	Quý 4-2014	Giá trị (tăng/giảm)	Tỷ lệ (tăng/giảm) (%)
1	Doanh thu thuần	407,03	339,22	67,81	19,99%
2	Giá vốn	355,39	268,79	86,60	32,22%
3	Lợi nhuận gộp	51,52	70,43	(18,91)	(26,85%)
4	Doanh thu tài chính	2,26	1,27	0,99	77,95%
5	Chi phí bán hàng (*)	18,21	26,50	(8,29)	(31,28%)
6	Chi phí QLDN	17,73	20,55	(2,82)	(13,72%)
7	Lợi nhuận từ HĐKD	17,84	24,64	(6,80)	(27,59%)
8	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	21,11	27,94	(6,83)	(24,44%)
9	Chi phí thuế TNDN	4,22	6,27	(2,05)	(32,69%)
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16,88	21,66	(4,78)	(22,06%)

Trong quý 4/2015 mặc dù doanh thu thuần tăng 19,99% và các khoản chi phí đều giảm so với quý 4/2014 tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm mạnh chính là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận hợp nhất sau thuế của quý 4/2015 giảm so với cùng kỳ.

(\*) Trong quý 4/2015 Công ty có nhận khoản hỗ trợ chi phí kinh doanh 6,93 tỷ đồng từ nhà cung cấp và đã hạch toán giảm trừ vào chi phí bán hàng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập biểu

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 09 - DN/HN

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	125,525,230,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	3,880,961,542	12,552,523,000	116,948,033,373	35,669,126,514	294,942,303,589
Lợi nhuận trong kỳ						54,988,557,831	5,399,976,070	60,388,533,901
Chia cổ tức (CP)	12,488,620,000					(12,488,620,000)		-
Trích lập các Quỹ					1,248,862,000	(1,248,862,000)		-
Chia lợi nhuận						(26,231,908,000)	(2,328,000,000)	(28,559,908,000)
Nhận vốn góp							8,800,000,000	8,800,000,000
Giảm khác								-
Số dư tại 31/12/2014	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	3,880,961,542	13,801,385,000	131,967,201,204	47,541,102,584	335,570,929,490
Số dư tại 01/01/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	17,682,346,542	-	131,967,201,204	47,541,102,584	335,570,929,490
Lợi nhuận trong kỳ						50,329,460,811	11,576,223,258	61,905,684,069
Chia cổ tức (CP)	27,478,240,000					(27,478,240,000)		-
Trích lập các Quỹ								-
Chia lợi nhuận						(13,740,385,000)	(10,736,800,000)	(24,477,185,000)
Số dư tại 31/12/2015	165,492,090,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	17,682,346,542	-	141,078,037,016	48,380,525,842	372,999,428,559